

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số: 62/2022/HSST

Ngày 09/6/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Lợi và ông Vũ Tiến Thịnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2022/HSST ngày 11 tháng 5 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn K - sinh ngày: 19/5/1976 tại Thái Bình.

Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Quang T (ông T được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba; Huân chương kháng chiến hạng Ba, 02 huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, nhì) và con bà: Đỗ Thị B; có vợ: Trần Thị T và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án: Bản án số 121/2019/HSST ngày 31/7/2019 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội đánh bạc. Đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 31/7/2021. Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02/1995 đến tháng 7/ 1998. Ngày 11/6/2006 bị công an phường K thành phố Thái Bình xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2022 có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại:

Anh Trần Thanh T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Chị Phạm Thị C- sinh năm 1991 (vắng mặt).

Đều cư trú: Xóm A, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị T, sinh năm 1980(có mặt).

Nơi cư trú: thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

Anh Hoàng Văn H - sinh năm 1982 (có mặt).

Anh Phạm Văn Đ (T) sinh năm 1985 (vắng mặt).

Đều cư trú: thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Anh Phạm Ngọc D – sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, phường K , thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 6/2021 bị cáo(Phạm Văn K) có thỏa thuận thuê anh Trần Thanh T ghép quả bông với giá 50.000 đồng /01 quả. sau khi ghép, nếu quả nào hỏng thì phải ghép lại đến khi đạt yêu cầu. Từ ngày 09/7/2021 đến ngày 11/7/2021 anh T cùng vợ là Phạm Thị C đến nhà bị cáo ghép được 89 quả bông trên cây. Sau khi ghép xong tính tiền hết 4.450.000 đồng nhưng anh T chỉ lấy 4.000.000 đồng, bị cáo đã trả tiền cho anh T có viết biên nhận. Trong thời gian đó vợ chồng anh T còn ghép bông cho ông Nguyễn Văn V là hàng xóm của bị cáo 07 quả bông và đã nhận 350.000 đồng. Sau khi ghép bông khoảng 10 ngày, thì có khoảng 30 quả bông nhà bị cáo bị rụng nên bị cáo có liên hệ với anh T đến xem và yêu cầu ghép lại, anh T đến xem cây và hẹn với bị cáo là hôm sau đến ghép lại nhưng do thời tiết không thuận lợi và gia đình có công việc bận nên anh T không đến ghép bông cho bị cáo.

Ngày 28/8/2021 bị cáo thuê anh Phạm Văn T chở bị cáo cùng anh Hoàng Văn H, anh Phạm Ngọc D đi lên thành phố Thái Bình mua chum ngâm rượu. Khi đi qua quán cà phê K đường L phường K thành phố T thì bị cáo nhìn thấy vợ chồng anh T đang sửa cây cho quán cà phê, bị cáo dừng xe và đi bộ vào quán gặp vợ chồng anh T nói chuyện và yêu cầu vợ chồng anh T về nhà bị cáo để kiểm tra cây và giải quyết vụ việc.

Vợ chồng anh T đi xe Atila màu đỏ đến nhà bị cáo, bị cáo cùng anh H, anh D và anh Tường lái xe đi về nhà. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày khi vợ chồng anh T, chị C vào nhà bị cáo cùng bị cáo đi kiểm tra cây bông thì anh T có nói “Sao rụng nhiều thế” thì bị cáo nói “rụng thì hỏi vợ chồng mày chứ sao tao biết được”. Do bức tức việc bị cáo gọi điện nhiều lần anh T không trả lời, bị cáo biết được thời điểm qua tháng 8 không thể ghép được bông vào cây nữa và bị cáo muốn lấy lại tiền nên bị cáo đã cầm mũ cối màu xanh có cạnh viền, kích

thước đo (30,5 x 25,5) cm, nặng 455 gam đang đội trên đầu đánh 03 nhát vào đầu anh T, anh T đưa tay lên đỡ và quỳ xuống xin lỗi bị cáo, anh T nói để ngày mai đến ghép lại nhưng bị cáo không đồng ý, bị cáo nói “Bồng quá lừa rồi đếm bồng còn lại trả tiền tao”. Vợ chồng anh T không có tiền xin khất lại hôm sau nhưng bị cáo không đồng ý. Bị cáo yêu cầu anh T hoặc chị C về nhà lấy tiền trả ngay hoặc gọi người cầm tiền đến trả bị cáo. Bị cáo yêu cầu vợ chồng anh T trả số tiền ghép bồng nhà bị cáo bị hỏng, tiền ăn, tiền bồi thường cây bồng ghép, tiền ghép bồng nhà ông V bị hỏng tổng số tiền là 8.000.000 đồng trừ đi số tiền 5 quả bồng còn lại là 7.750.000 đồng. Do không có tiền trả ngay nên bị cáo bắt vợ chồng anh T, chị C để lại tài sản xe máy, 2 chiếc điện thoại, giấy căn cước, do sợ tiếp tục bị đánh nên anh T đồng ý và xin được giữ lại chiếc điện thoại của anh T để còn liên hệ công việc. Bị cáo đồng ý và yêu cầu phải viết giấy, bị cáo nhờ anh Đ cầm giấy bút cho anh T viết và bị cáo đọc cho anh T viết nội dung; anh T đã nhận 8.000.000 đồng tiền ghép bồng của bị cáo và ông V đến nay sau 20 ngày bị hỏng chỉ còn 5 quả anh T phải trả lại cho bị cáo và ông V số tiền 7.750.000 đồng do không mang tiền nên anh T để lại nhà bị cáo xe máy Atila, 01 điện thoại di động và chứng minh nhân dân của chị C. Sau khi viết giấy và để lại tài sản nhà bị cáo, anh T chị C đi bộ về và đến cơ quan công an trình báo sự việc.

Tại kết luận định giá tài sản số 41/KL - HĐĐGTS ngày 22/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận trị giá tài sản trong thời điểm định giá tháng 8/2021 là 3.050.000 đồng, trong đó: Trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, biển số 17N6 - 6338 là 1.750.000 đồng; trị giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A là 1.300.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn K thừa nhận hành vi dùng mũ cối đánh anh T để lấy lại tiền và cho rằng: Vợ chồng anh Trần Thanh T, chị Phạm Thị C do không có tiền trả lại bị cáo nên tự nguyện để lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh, 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Thị C và xe mô tô nhãn hiệu Atila, màu đỏ, biển số 17N6 - 6338 lại nhà K. Số tiền anh T viết trong giấy biên nhận làm và ghép cây bồng là do anh T tự tính và viết vào giấy nên bị cáo không phạm tội.

Lời khai bị hại, anh Trần Thanh T và chị Phạm Thị C, nội dung thể hiện: Khi vợ chồng anh T về đến nhà bị cáo thì bị cáo bắt anh T quỳ xuống sân và dùng mũ cối đánh 04 phát vào đầu anh T, bị cáo yêu cầu anh T phải trả lại tiền đã nhận của bị cáo, ông V, cộng thêm tiền bồi thường cây bồng ghép, tiền ăn cơm, uống nước trong thời gian ghép bồng cho bị cáo, tổng số tiền bị cáo yêu cầu anh T phải trả lại là 08 triệu đồng trừ đi 05 quả bồng còn lại trên cây bồng nhà bị cáo bằng số tiền 7.750.000 đồng. Nhưng vợ chồng anh T không có tiền nên bị cáo yêu cầu vợ chồng anh T để lại 02 điện thoại di động (của anh T và vợ

anh T), 01 xe máy nhãn hiệu Atila, biển số 17N6 - 6338 và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Thị C, bị cáo đọc và yêu cầu anh T viết “giấy biên nhận làm và ghép cây bông”, do sợ không thực hiện yêu cầu của bị cáo thì sẽ bị đánh nên anh T đồng ý viết giấy, viết giấy xong vợ chồng anh T để lại nhà bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh và 01 chứng minh nhân dân của chị C, 01 xe máy BKS 17N6 - 6338, anh T xin bị cáo được cầm về điện thoại di động của anh T để về liên lạc công việc thì bị cáo đồng ý.

Lời khai người làm chứng: anh Hoàng Văn H, anh Phạm Ngọc D, anh Phạm Văn Đ (Thiệt) đều khai có nhìn thấy bị cáo K cầm mũ cối đánh vào đầu anh T, anh T giơ tay lên đỡ thì trúng vào tay, bị cáo K đòi lấy lại tiền ghép bông và đọc nội dung cho anh T viết giấy để lại chiếc điện thoại với xe máy, chứng minh thư của vợ tên C, và không có ai tham gia đánh hoặc nói gì cùng với bị cáo K đòi tiền vợ chồng anh T.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 11/5/2022 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội: “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 50; Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn K mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong quá trình điều tra, nhưng cho rằng không phạm tội như cáo trạng truy tố, bị cáo không trình bày lời bào chữa tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đúng quy định pháp luật, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn K đã khai toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, sự việc và đồ vật. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 28/8/2021 tại nhà bị cáo Phạm Văn K tại thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Do bức tức việc bị cáo gọi điện nhiều lần anh T

không trả lời, bị cáo biết được qua thời điểm tháng 8 thì không thể ghép được bông vào cây nữa nên bị cáo đã cầm mũ cối màu xanh có cạnh viền, kích thước đo (30,5 x 25,5) cm, nặng 455 gam đang đội trên đầu đánh 03 nhát vào đầu anh T nhằm mục đích lấy lại tiền ghép bông. Số tiền bị cáo yêu cầu trả là 7.750.000 đồng. Xét thấy hành vi của bị cáo đã dùng vũ lực nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 7.750.000 đồng của anh T và chị C đã phạm vào tội “cướp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự. Bị cáo cho rằng việc anh T chị C tự để lại tài sản và tự tính tiền bồi thường trả lại cho bị cáo nên bị cáo không phạm tội là không đúng. Hành vi trên của anh T và chị C là do bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực buộc họ phải thực hiện để đảm bảo cho hành vi chiếm đoạt 7.750.000 đồng của bị cáo đạt được mục đích.

Điều 168. Tội Cướp tài sản

1. Người nào dùng vũ lực, *đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được* nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

[3] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Cướp tài sản”.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội: “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong dân chúng. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm răn đe giáo dục chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

Bị cáo thành khẩn khai báo, đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bỏ để bị cáo được tặng thưởng nhiều huân chương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, gia đình đã bồi thường thay bị cáo khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có thu nhập không ổn định nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Thuận là vợ bị cáo đã tự nguyện bồi thường thay bị cáo khắc phục hậu quả thiệt hại về tinh thần, sức khỏe cho

các bị hại số tiền 28.000.000 đồng các bị hại đồng ý, không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[6] Trong vụ án này: Đối với anh Phạm Văn T, ban đầu anh T, chị C khai sau khi bị cáo K đánh anh T đòi tiền, anh T có nói với vợ chồng T là “bây giờ một đứa ở lại, một đứa về lấy tiền” nhưng đến nay anh T chị C không nhớ rõ là ai đã nói và cũng không có ý kiến gì về nội dung trên. Anh T không thừa nhận có hành vi trên, bị cáo và những người làm chứng khác đều khai không có ai tham gia đánh, nói đòi tiền anh T cùng bị cáo, vì vậy không có đủ căn cứ để xử lý đối với anh Phạm Văn T.

Đối với anh Phạm Văn Đ (T), bị cáo K nhờ vào nhà lấy giấy bút mang ra đưa cho vợ chồng anh T nhưng không biết mục đích để làm gì, không có hành vi giúp sức bị cáo K đòi tiền vợ chồng anh T. Vì vậy, không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với anh Phạm Văn Đ (T).

Đối với anh Hoàng Văn H; anh Phạm Ngọc D không có lời nói, hành vi gì đe dọa, xâm hại đến sức khỏe vợ chồng anh T, không được bị cáo K bàn bạc, trao đổi nội dung gì và không có hành vi giúp sức bị cáo K đòi tiền của vợ chồng anh T. Vì vậy không đủ căn cứ xử lý đối với các anh Hoàng Văn H, Phạm Ngọc D.

Về thương tích của anh T do bị cáo gây ra không lớn anh T không giám định không có yêu cầu khởi tố đối với bị cáo về hành vi gây thương tích nên không giải quyết.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho anh T và chị C. Đối với vật chứng là chiếc mũ cối của bị cáo là vật dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Cướp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 điều 168; điểm s khoản 1; khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2022. Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thay bị cáo của chị Trần Thị Thuận cho các bị hại anh Trần Thanh T và chị Phạm Thị C số tiền 28.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy chiếc mũ cối của bị cáo (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng).

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đối với người có mặt kể từ ngày tuyên án 09/6/2022. Đối với người vắng mặt kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mạnh